

Số: KHHM-12/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN MÙA
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ tháng 01-6/2026)**

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng nổi bật trong 02 tháng qua

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét và mưa đá (*Bảng 1-Phụ lục*).

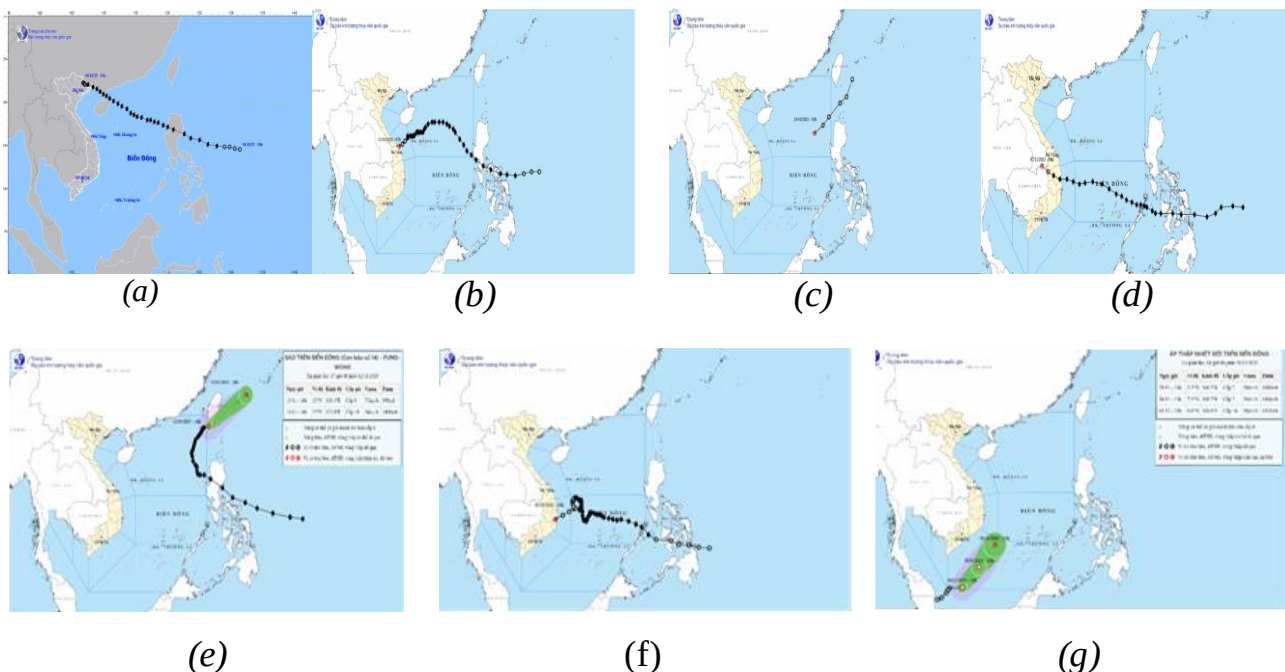
+ *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Từ tháng 10 đến nửa đầu tháng 12/2025, trên khu vực Biển Đông đã xuất hiện 05 cơn bão và 02 ATNĐ (*Hình 1*); trong đó, có 03 cơn bão ảnh hưởng đến đất liền nước ta: Bão số 11 (MATMO), bão số 12 (FENGSHEN) và bão số 13 (KALMAEGI), diễn biến cụ thể của Bão/ATNĐ như sau:

- *Bão số 11 (MATMO)*: Chiều ngày 03/10, bão MATMO đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 11 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 10, giật cấp 13, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, tốc độ khoảng 25km/h. Sáng sớm ngày 06/10, bão đi vào đất liền khu vực Phòng Thành của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cường độ giảm xuống cấp 8, giật cấp 10, sau đó bão đi sâu vào đất liền và suy yếu thành ATNĐ, đến trưa cùng ngày suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực biên giới Lạng Sơn (Việt Nam) và Trung Quốc (*Hình 1a*).

- *Bão số 12 (FENGSHEN)*: Chiều ngày 19/10, bão FENGSHEN đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 12 trên Biển Đông trong năm 2025 với cường độ mạnh cấp 9, giật cấp 11, di chuyển theo hướng Tây Bắc. Chiều ngày 20/10, bão mạnh lên cấp 10, giật cấp 12, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc, sau di chuyển theo hướng Tây. Sáng sớm ngày 21/10, bão chuyển hướng di chuyển theo hướng Tây Nam. Từ chiều ngày 22/10, cường độ bão giảm dần, đến tối cùng ngày, sau khi đi vào vùng biển Quảng Trị-Quảng Ngãi, bão suy yếu thành ATNĐ. Sáng sớm ngày 23/10, sau khi đi vào vùng biển ven bờ khu vực Tp. Huế-Đà Nẵng, áp thấp nhiệt đới suy yếu thành

một vùng áp thấp (Hình 1b).

- *ATNĐ tháng 10*: Trưa ngày 23/10, ATNĐ đi vào vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp mạnh cấp 6, giật cấp 8. Sau đó, ATNĐ chủ yếu di chuyển theo hướng Tây Nam, đến đêm cùng ngày ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông. Sức gió mạnh nhất ở trung tâm vùng áp thấp giảm xuống dưới cấp 6 (Hình 1c).



Hình 1. Quỹ đạo của các cơn bão/ATNĐ: (a) Bão số 11 (MATMO); (b) Bão số 12 (FENGSHEN); (c) ATNĐ tháng 10; (d) Bão số 13 (KALMAEGI); (e) Bão số 14 (FUNG-WONG); (f) Bão số 15 (KOTO); (g) ATNĐ tháng 11).

- *Bão số 13 (KALMAEGI)*: Sáng sớm ngày 05/11, cơn bão KALMAEGI đi vào khu vực Giữa Biển Đông, trở thành cơn bão thứ 13 trên Biển Đông trong năm 2025, bão di chuyển khá nhanh theo hướng Tây Tây Bắc với cường độ cấp 13, giật cấp 16. Trong ngày 05/11, cường độ bão mạnh lên cấp 14, giật cấp 17 và di chuyển nhanh hơn với tốc độ 25-30km/h. Từ nửa đêm đến sáng ngày 06/11, bão di chuyển chủ yếu về hướng Tây, đến sáng cùng ngày cường độ bão mạnh lên cấp 15, giật trên cấp 17. Từ chiều ngày 06/11, bão chuyển hướng và di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc và cường độ giảm xuống cấp 14, giật cấp 16, tốc độ di chuyển nhanh khoảng 30km/h. Chiều tối cùng ngày bão di chuyển vào khu vực Quảng Ngãi-Gia Lai, cường độ giảm xuống cấp 12, giật cấp 14, sau đó bão đi sâu vào đất liền suy yếu dần thành ATNĐ, sau thành một vùng áp thấp trên khu vực Hạ Lào và tan dần (Hình 1d).

- *Bão số 14 (FUNG-WONG)*: Sáng sớm ngày 10/11, cơn bão Fung-wong

đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 14 trong năm 2025; hồi 04 giờ ngày 10/11, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 13, giật cấp 16, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc, tốc độ khoảng 10-15km/h. sau đó bão số 14 đổi hướng di chuyển sang hướng Bắc Tây Bắc rồi Bắc Đông Bắc với tốc độ khoảng 10km/h và cường độ suy yếu dần. Đến chiều ngày 12/11, bão di chuyển ra ngoài Biển Đông theo hướng Đông Bắc và không ảnh hưởng đến thời tiết đất liền nước ta (*Hình 1e*).

- *Bão số 15 (KOTO)*: Đêm 25/11, bão KOTO đã đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Giữa Biển Đông và trở thành cơn bão số 15 trên Biển Đông trong năm 2025. Hồi 01 giờ ngày 26/11, vị trí tâm bão ở vào khoảng 11,8 độ Vĩ Bắc; 119,6 độ Kinh Đông, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giật cấp 10, di chuyển theo hướng Tây Bắc với tốc độ khoảng 20km/h. Sau đó bão thay đổi hướng di chuyển liên tục từ Tây Tây Bắc qua hướng Tây Nam rồi sang hướng Bắc với tốc độ di chuyển chậm dần. Từ tối ngày 29/11 đến ngày 01/12 hầu như ít dịch chuyển, từ chiều ngày 01/12 bão suy yếu thành ATNĐ. Sau đó ATNĐ di chuyển chậm theo hướng Tây Nam, đến tối 3/12, ATNĐ tiếp tục suy yếu thành áp thấp trên đất liền ven biển các tỉnh Đắk Lắk - Khánh Hòa (*Hình 1f*).

- *ATNĐ tháng 11*: Sáng ngày 29/11, áp thấp nhiệt đới ở phía Đông Malaysia đã đi vào vùng biển phía Tây Nam khu vực Nam Biển Đông, di chuyển chủ yếu theo hướng Bắc Đông Bắc với cường độ cấp 6-7, giật cấp 9. Đến chiều ngày 29/11 ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Nam khu vực Nam Biển Đông. Cơn ATNĐ này không ảnh hưởng đến thời tiết đất liền Việt Nam (*Hình 1g*).

+ *Nắng nóng (NN)*:

Trong thời kỳ từ tháng 10 đến nửa đầu tháng 12/2025 NN chỉ xảy ra cục bộ tại Bắc Bộ và Trung Bộ trong ngày 5/10, tuy nhiên cũng đã xuất hiện một số giá trị nhiệt độ cao nhất vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ. Các giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ được thể hiện trong Phụ lục (*Bảng 2,3,4-Phụ lục*).

+ *Không khí lạnh (KKL)*: Từ tháng 10 đến nửa đầu tháng 12/2025, đã xảy ra 8 đợt KKL (vào đêm 19/10, ngày 26/10, ngày 30/10, ngày 03/11, đêm 17/11, đêm 24/11, ngày 03/12 và ngày 13/12/2025). KKL đã gây gió mạnh cấp 7, giật cấp 9 tại trạm Bạch Long Vĩ, trạm Cồn Cỏ và trạm Lý Sơn có gió mạnh cấp 7, giật cấp 8. KKL cũng đã gây ra rét đậm, có nơi rét hại ở khu vực vùng núi Bắc

Bộ; Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trời rét, riêng ngày 19/11/2025 tại khu vực Bắc Bộ và một số nơi ở Bắc Trung Bộ đã xảy ra rét đậm. Nhiệt độ thấp nhất do KKL ở vùng núi Bắc Bộ phổ biến dưới $10,0^{\circ}\text{C}$, vùng núi cao có nơi dưới $5,0^{\circ}\text{C}$ (Đồng Văn (Tuyên Quang): $2,0^{\circ}\text{C}$); ở Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ từ $9,0-12,0^{\circ}\text{C}$, có nơi dưới $8,0^{\circ}\text{C}$ (Quỳ Châu (Nghệ An) $7,6^{\circ}\text{C}$); Quảng Trị và Tp. Huế có nơi $11,0-12,0^{\circ}\text{C}$...

+ *Mưa lớn diện rộng:*

Tại các tỉnh Bắc Bộ xuất hiện nhiều ngày có mưa, trong đó có 06 đợt mưa diện rộng vào các ngày: 06-08/10, 13-16/10, 31/10-04/11, 08-10/11, 17-19/11 và ngày 13/12/2025. Trong đó, có 02 đợt mưa lớn điển hình như sau: (1) Đợt mưa từ ngày 25-30/9 do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới nối với hoàn lưu cơn bão số 10 và hội tụ gió lên đến mực 5000m, nên khu vực Bắc Bộ có mưa diện rộng với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 150-400mm, có nơi cao hơn. (2) Đợt mưa từ ngày 06-08/10 do ảnh hưởng của bão số 11, sau đó chịu ảnh hưởng hoàn lưu của vùng áp thấp suy yếu từ cơn bão nên khu vực Đông Bắc của Bắc Bộ, phía Nam Tuyên Quang (tỉnh Tuyên Quang cũ), Thái Nguyên và Hà Nội đã có mưa to đến rất to với TLM phổ biến từ 150-250mm, có nơi trên 300mm, riêng khu vực Thái Nguyên từ 250-350mm, có nơi trên 450mm; các nơi khác ở Bắc Bộ lượng mưa phổ biến từ 70-120mm, có nơi trên 150mm.

Tại Trung Bộ từ tháng 10 đến nửa đầu tháng 12/2025: khu vực từ Nam Nghệ An đến Quảng Ngãi và phía Đông các tỉnh Gia Lai-Đắk Lắk liên tục có mưa lớn trên diện rộng từ ngày 09/10 đến 08/11/2025 chủ yếu do chịu ảnh hưởng của các hình thái thời tiết: nhiễu động gió Đông trên cao, KKL, bão/ATNĐ; trong đó đáng lưu ý đợt mưa kéo dài từ ngày 23/10-03/11 từ Hà Tĩnh đến phía đông Quảng Ngãi, tổng lượng mưa (TLM) trên khu vực phổ biến từ 500-800mm, có nơi trên 1000mm, đặc biệt tại Huế và Đà Nẵng có nơi TLM trên 1500mm: A Lưới (Huế) 1755mm, Nam Đông (Huế) 2452mm, Trà My (Đà Nẵng) 2061mm. Đợt mưa từ ngày 16-21/11 (phía Nam tới 25/11) trong đó Hà Tĩnh đến Huế mưa từ 16-19/11 với TLM phổ biến từ 100-350mm, riêng A Lưới (Tp Huế) đạt 829,2mm, tại khu vực từ vùng núi phía Nam thành phố Huế đến Khánh Hòa mưa từ 16-25/11/2025 TLM ở phía Bắc phổ biến từ 400-800mm; phía Nam khu vực phổ biến 500-900mm, có nơi có hơn, đặc biệt tại Sơn Hòa (Đắk Lắk): 1107mm. Nửa đầu tháng 12/2025 khu vực Huế-Đà Nẵng và phía đông của Quảng Ngãi đến Đắk Lắk, Khánh Hòa liên tục có mưa, riêng ngày 04-06/12 vùng mưa mở rộng ra phía bắc, xuất hiện tại tỉnh Thanh Hóa đến Quảng Trị. Đáng lưu ý, từ ngày 03-04/12 do ảnh hưởng kết hợp của nhiễu động gió Đông nên tại các trạm phía đông của Quảng Ngãi đã xuất hiện lượng mưa ngày

trên 160mm.

Khu vực Nam Bộ có nhiều ngày có mưa dông diện rộng, có ngày xảy ra mưa vừa đến mưa to, cục bộ có ngày mưa rất to.

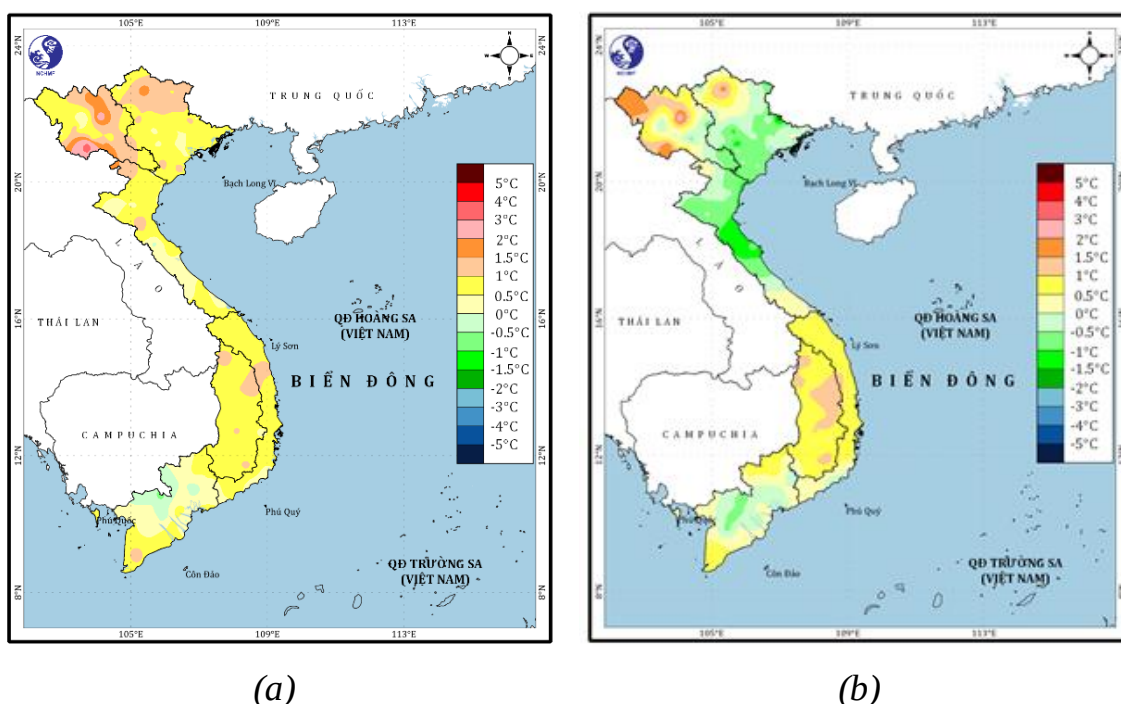
Một số trạm ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày, tổng lượng mưa tháng vượt GTLS cùng thời kỳ (Bảng 5,6,7,8,9 - Phụ lục).

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa

+ *Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):*

Tháng 10/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0°C, riêng khu vực phía Tây Bắc Bộ có nơi trên 1,0°C (Hình 2a).

Tháng 11/2025, NĐTĐ khu vực phía Đông Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Huế phổ biến thấp hơn từ 0,5-1,5°C, có nơi thấp hơn từ 1,5-2,0°C; các khu vực còn lại NĐTĐ ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ (Hình 2b).



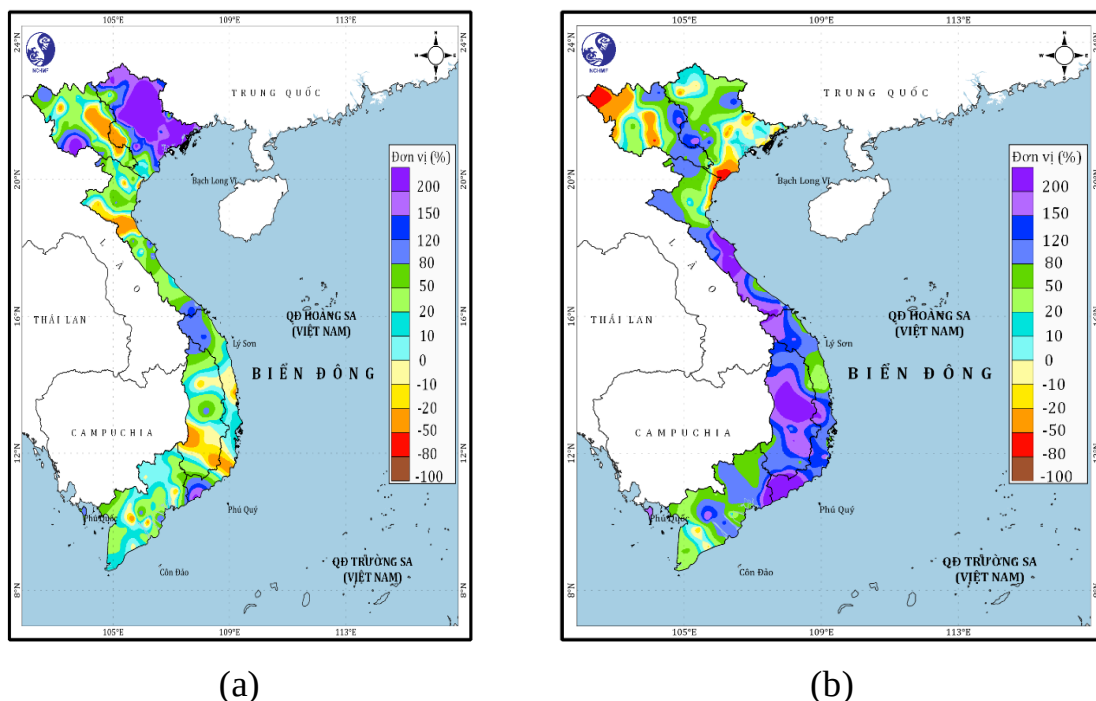
Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 10/2025; (b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 11/2025.

Trong nửa đầu tháng 12/2025, NĐTĐ toàn quốc phổ biến cao hơn từ 0,5–1,0°C, riêng phía đông Bắc Bộ và từ Thanh Hóa đến phía bắc Quảng Trị cao hơn từ 1-2°C so với TBNN. Một số nơi thuộc Nam Bộ ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ *Tổng lượng mưa (TLM):*

Tháng 10/2025, TLM trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 20-90%; đặc biệt tại khu vực Đông Bắc Bộ cao hơn gấp 3-5 lần so với TBNN cùng thời kỳ. Riêng các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng có TLM phổ biến thấp

hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3a).



Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 10/2025; (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2025.

Tháng 11/2025, TLM tại một số nơi ở khu vực Tây Bắc Bộ, ven biển Bắc Bộ và Tây Nam Bộ phổ biến thiếu hụt từ 10-50% so với TBNN cùng thời kỳ, các khu vực khác trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 30-80%, riêng các tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Đắk Lắk đến Lâm Đồng và phía tây các tỉnh Thanh Hóa-Nghệ An, Gia Lai có TLM cao hơn từ 150-300% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

Trong nửa đầu tháng 12/2025, TLM trên cả nước phổ biến cao hơn từ 20-60mm, có nơi cao hơn 100mm so với TBNN cùng thời kỳ; riêng khu vực vùng núi Bắc Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và một số nơi thuộc Nam Bộ thấp hơn từ 5-25mm, có nơi thấp hơn 50mm so với TBNN.

2. Dự báo khí hậu từ tháng 01-3/2026

2.1 Hiện tượng ENSO

Hiện tại, hiện tượng ENSO đang trong trạng thái La Nina với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) trong tuần đầu tháng 12/2025 ở mức $-0,5^{\circ}\text{C}$. Dự báo, trong khoảng ba tháng tới, hiện tượng ENSO có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính với xác suất từ 60-65%, trong khi xác suất trong trạng thái La Nina giảm hơn các dự báo trước và chỉ còn ở mức từ 35-40%.

2.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 01-3/2026, NĐTĐ trên phạm vi toàn quốc phổ biến xấp xỉ so với

TBNN, riêng khu vực Bắc Bộ tháng 01/2026 phổ biến cao hơn 0,5-1,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4a, 5a, 6a).

2.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Từ tháng 01-3/2026, TLM trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so TBNN; riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b, 5b, 6b), cụ thể:

- Khu vực Bắc Bộ: Trong tháng 01-02/2026, TLM phổ biến từ 15-35mm/tháng; tháng 3/2026, TLM phổ biến từ 40-70mm.

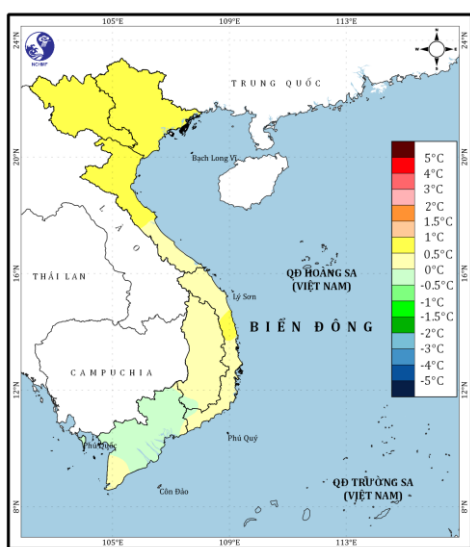
- Khu vực Trung Bộ:

- + Tháng 01/2026: TLM khu vực Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến từ 15-35mm; khu vực từ Quảng Trị đến TP. Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ từ 50-150mm; khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 5-15mm, riêng phía nam từ 15-30mm, có nơi cao hơn.

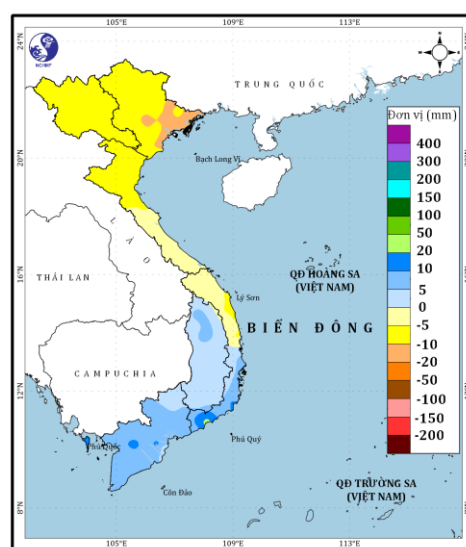
- + Tháng 02/2026, TLM phổ biến từ 15-30mm; riêng khu vực từ Quảng Trị đến TP. Đà Nẵng và phía Đông Quảng Ngãi phổ biến từ 35-70mm; khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 5-15mm, riêng phía nam từ 20-50mm, cao hơn từ 5-20mm, có nơi cao hơn.

- + Tháng 3/2026, TLM phổ biến 30-70mm, phía Nam của khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Cao nguyên Trung Bộ phổ biến 50-100mm, có nơi cao hơn 150mm, cao hơn TBNN từ 10-50mm.

- Khu vực Nam Bộ: Tháng 01-02/2026 TLM phổ biến từ 10-30mm, cao hơn TBNN từ 5-15mm, có nơi cao hơn. Tháng 3/2026, TLM phổ biến 30-70mm, cao hơn TBNN từ 10-25mm.

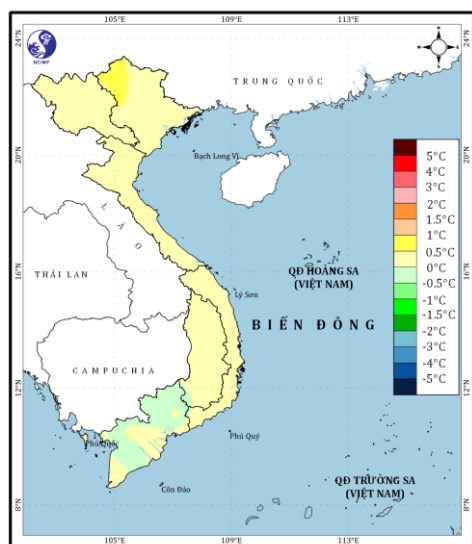


- (a)

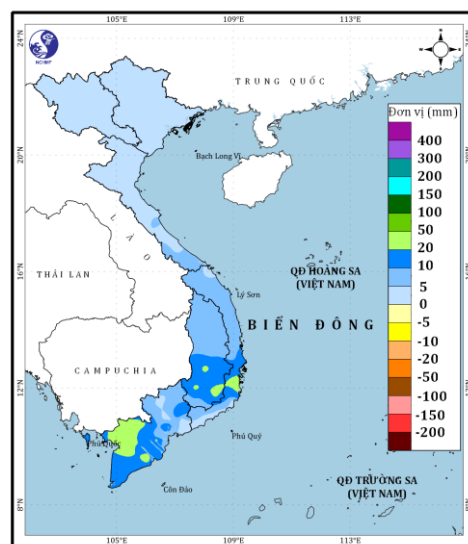


(b)

Hình 4: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 01/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 01/2026.

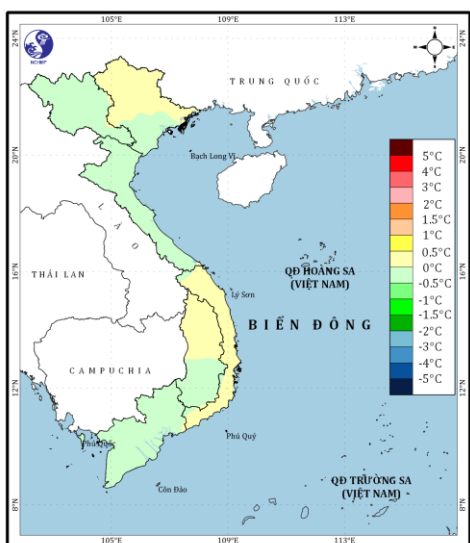


(a)

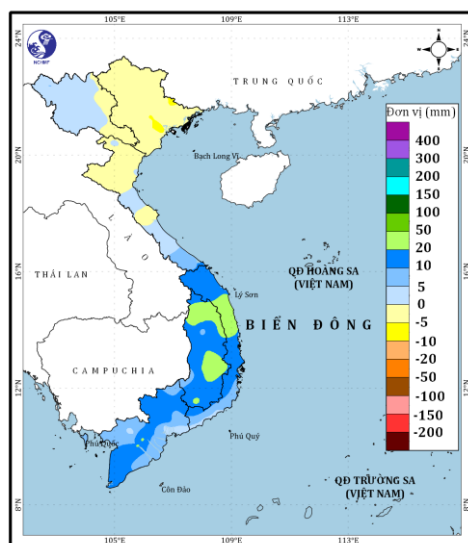


(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 02/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 02/2026.



(a)



(b)

Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 3/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 3/2026.

- *Bão/ATNĐ*: Ít có khả năng xuất hiện trên khu vực Biển Đông từ tháng 1-3/2026.

- *Không khí lạnh (KKL) và rét đậm, rét hại (RĐ, RH)*: KKL có khả năng hoạt động yếu hơn TBNN, tuy nhiên vẫn gây ra các đợt RĐ, RH. Cần đề phòng khả năng xảy ra những đợt RĐ, RH gây ra nhiệt độ thấp nhất giảm mạnh, đặc biệt các khu vực vùng núi phía Bắc và có thể kèm theo hiện tượng sương muối, băng giá.

- *Mưa nhỏ, mưa phùn*: Từ khoảng nửa cuối tháng 02 và tháng 3/2026, hiện tượng mưa nhỏ, mưa phùn có khả năng xuất hiện nhiều tại các tỉnh/thành phố tại miền Bắc (tương đương so với TBNN).

- *Mưa rào và dông diện rộng*: Các đợt mưa rào và dông còn xuất hiện tại khu vực phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Đắk Lắk và Khánh Hòa trong nửa cuối tháng 12/2025 và tháng 01/2026.

- *Mưa trái mùa*: Trong thời kỳ các tháng mùa khô đầu năm 2026, tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xuất hiện nhiều ngày/đợt mưa trái mùa hơn mọi năm.

- *Nắng nóng*: Ở khu vực Nam Bộ có khả năng xuất hiện nắng nóng từ khoảng cuối tháng 02 đầu tháng 3/2026 ở miền Đông Nam Bộ; sau đó có xu hướng gia tăng cường độ và mở rộng dần sang khu vực miền Tây Nam Bộ (tương đương TBNN). Ở khu vực phía Tây Bắc Bộ có thể xuất hiện nắng nóng cục bộ từ tháng 3/2026.

- *Đông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trong các đợt gió mùa đông bắc.

2.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng mưa lớn cục bộ và dông, lốc, sét, mưa đá, rét đậm, rét hại, sương muối và băng giá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng, cây trồng, vật nuôi.

Lưu vực sông Mê Công: Tháng 01/2026, TLM khu vực thượng lưu và trung lưu phổ biến thấp hơn từ 10-25% so với TBNN; khu vực hạ lưu TLM phổ biến cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 02/2026, TLM phổ biến xấp xỉ TBNN, riêng khu vực hạ lưu cao hơn 10-20% so với TBNN. Tháng 3/2026, TLM phổ biến cao hơn 5-20% so với TBNN; trong đó, khu vực hạ lưu cao hơn 15-30%.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 01-3/2026

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 01/2026		Tháng 02/2026		Tháng 3/2026	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 01/2026		Tháng 02/2026		Tháng 3/2026	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	15,5-16,5	15-30	17,5-18,5	15-30	20,5-21,5	40-80
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	20-50	19,0-20,0	20-50	21,0-22,0	40-80
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	13,5-14,5	20-50	15,5-16,5	20-50	18,0-19,0	40-80
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	15-30	18,0-19,0	20-50	20,5-21,5	40-80
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	16,6-17,5	20-50	17,5-18,5	15-30	19,5-20,5	40-80
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	15-30	18,0-19,0	15-30	20,0-21,0	30-70
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	18,0-19,0	20-50	18,5-19,5	20-50	20,5-21,5	40-80
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	20,0-21,0	80-170	21,0-22,0	40-80	22,5-23,5	50-100
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	21,5-22,5	<15	23,0-24,0	<15	24,5-25,5	40-80
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	50-100	24,5-25,5	20-50	25,5-26,5	40-80
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	50-100	24,5-25,5	15-30	25,5-26,5	40-80
Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	21,5-22,5	<15	22,5-23,5	<15	24,0-25,0	40-80
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	26,5-27,5	15-30	26,5-27,5	15-30	27,5-28,5	20-50
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	25,5-26,5	15-30	26,0-27,0	15-30	27,0-28,0	30-70

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %).
- Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới (Bảng 9-Phụ lục).

3. Xu thế khí hậu từ tháng 4-6/2026

3.1. Hiện tượng ENSO:

Từ tháng 4-6/2026, ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính với xác suất 65-75%, xác suất chuyển sang trạng thái El Nino vào khoảng từ 10-25% và xác suất chuyển sang trạng thái La Nina khoảng dưới 15%.

3.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 4-6/2026, NĐTB trên phạm vi toàn quốc phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

3.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Từ tháng 4-6/2026, TLM trên cả nước phổ biến xấp xỉ so với TBNN; riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ cao hơn so với TBNN và khu vực Bắc Bộ tháng 6/2025 cao hơn 5-15% so với TBNN, cụ thể:

+ Khu vực Bắc Bộ: TLM tháng 4/2026 phổ biến 50-100mm, riêng khu vực Tây Bắc có nơi trên 120mm. TLM tháng 5/2026 phổ biến 100-200mm, riêng vùng núi có nơi cao hơn. TLM tháng 6/2026 phổ biến 250-400mm, có nơi trên 450mm.

+ Khu vực Trung Bộ: Tháng 4/2026, TLM phổ biến từ 40-90mm, có nơi trên 100mm. TLM tháng 5 và tháng 6/2026 tại Thanh Hóa-Huế phổ biến từ 100-200mm/tháng, có nơi cao hơn; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 60-120mm/tháng, có nơi cao hơn.

+ Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ: TLM tháng 4/2026 phổ biến từ 70-150mm (cao hơn so với TBNN từ 5-15mm). TLM tháng 5 và tháng 6/2026 phổ biến từ 150-250mm/tháng (Cao hơn so với TBNN từ 10-20mm/tháng, riêng một số nơi thuộc khu vực Nam Bộ cao hơn trên 25mm).

+ Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 4-5/2026, TLM tại khu vực thượng lưu và trung lưu cao hơn từ 5-20% so với TBNN, riêng khu vực hạ lưu trong tháng 4/2026 cao hơn từ 20-40%. Tháng 6/2026, TLM tại các khu vực phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN.

3.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 4-6/2026, bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông tương đương so với TBNN, tuy nhiên khả năng đổ bộ vào đất liền nước ta là không cao (TBNN trên Biển Đông: 1,8 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0,3 cơn).

- *Không khí lạnh*: KKL tiếp tục còn có khả năng hoạt động tuy nhiên có xu hướng suy giảm dần về cường độ và tần suất.

- *Nắng nóng*: Khu vực Tây Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Huế có khả năng xuất hiện nắng nóng từ khoảng tháng 4/2026, sau đó mở rộng dần toàn khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ từ cuối tháng 4/2026. Khu vực Nam Bộ có nắng nóng diện rộng trong tháng 4/2026 sau đó giảm dần về cường độ.

- *Mưa vừa, mưa to*: Các đợt mưa vừa, mưa to có khả năng xuất hiện ở Bắc Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ từ khoảng tháng 5/2026.

- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh tăng dần trên cả nước, đặc biệt trong giai đoạn chuyển mùa (tháng 4 và tháng 5/2026).

3.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Gió mùa và bão/ATNĐ có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng nắng nóng, mưa lớn và các hiện tượng như dông, lốc, sét, mưa đá... đặc biệt trong thời kỳ chuyển mùa có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, sức khỏe cộng đồng, cây trồng và vật nuôi.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp, đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đó đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 15h00 ngày 15/01/2026.

Tin phát lúc: 15h00 ngày 15/12/2025./.

Soát tin: Nguyễn Thanh Hoa

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG DỰ BÁO KHÍ HẬU**



Nguyễn Đức Hòa

PHỤ LỤC

Bảng 1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ tháng 10/2025-nửa đầu tháng 12/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông, lốc	Xã Quỳ Nhất, Hải Thịnh, Hải Anh, Khánh Nhạc, Khánh Hội, Yên Khánh, Chất Bình- tỉnh Ninh Bình	29/9/2025
Dông, lốc, sét	Điện Biên	06/10/2025
Sét	Quảng Ngãi	20/10/2025
Dông lốc	Cà Mau	28/10/2025
Lốc xoáy	Xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau	01 giờ ngày 14/11/2025
Lốc xoáy	Xã Chiên Đàn, TP. Đà Nẵng	22h30 ngày 16/11/2025

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 10/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Cò Nòi (Sơn La)	33,4	2019	34,0	05/10/2025
Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,0	2005	31,3	05/10/2025
Hà Giang (Tuyên Quang)	35,4	2021	35,5	05/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	29,1	2021	29,1	05/10/2025
Chợ Rã (Thái Nguyên)	36,0	2021	36,0	05/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	34,9	2023	35,2	05/10/2025
Thái Nguyên	35,0	2021	35,3	12/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	33,1	2002	33,4	15/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	35,5	2023	36,2	05/10/2025
Phù Lĩn (TP Hải Phòng)	34,4	2023	34,5	05/10/2025
Hà Đông (TP Hà Nội)	35,5	2023	35,7	05/10/2025
Nam Định (Ninh Bình)	35,5	2023	35,5	05/10/2025
Hồi Xuân (Thanh Hóa)	36,7	2003	37,6	05/10/2025
Thanh Hóa	34,5	1969	34,7	06/10/2025
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	34,6	1976	35,1	05/10/2025
Đô Lương (Nghệ An)	36,6	1968	36,9	06/10/2025
Hòn Ngu (Nghệ An)	32,3	2023	32,9	06/10/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	35,4	2015	37	06/10/2025
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	32,7	2023	32,9	06/10/2025
Quảng Ngãi	35,6	2024	35,8	20/10/2025
Hoài Nhơn (Gia Lai)	34,9	1981	35,7	19/10/2025
Cam Ranh (Khánh Hòa)	35,5	2021	36	15/10/2025
Tây Ninh	35,5	2018	35,5	04/10/2025
Biên Hòa (Đồng Nai)	35,7	2024	35,9	19/10/2025
Thủ Dầu Một (TP Hồ Chí Minh)	35,5	2015,2018	35,7	15/10/2025
Côn Đảo (TP Hồ Chí Minh)	33,0	2023,2024	33,2	04/10/2025

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 11/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hoài Nhơn (Gia Lai)	32.9	2012	33.5	07/11/2025
Tây Ninh	35.5	2022,2023	35.7	24/11/2025

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong thời kỳ từ 01-15/12/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuy Hòa (Đắk Lắk)	31.3	2023	31.5	01/12/2025
Ba Tri (Vĩnh Long)	33.2	2014	33.5	01/12/2025
An Nhơn (Gia Lai)	30.8	2023	31.6	02/12/2025
Lào Cai	30.5	2018	30.5	13/12/2025

Bảng 5: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 10/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hà Giang (Tuyên Quang)	144,0	1974	177,8	01/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	53,8	2017	77,6	07/10/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuyên Quang	163,1	2001	226,7	07/10/2025
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	110,0	2000	217,3	07/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	106,4	1964	201,2	07/10/2025
Thái Nguyên	201,9	1978	491,3	07/10/2025
Định Hóa (Thái Nguyên)	231,3	1978	245,8	07/10/2025
Cao Bằng	79,3	1978	122,3	07/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	174,5	2000	207	07/10/2025
Bắc Sơn (Lạng Sơn)	99,6	1987	179,2	07/10/2025
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	109,5	1990	148,9	07/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	205,5	1987	246,8	07/10/2025
Bắc Giang (Bắc Ninh)	120,0	2016	365,4	07/10/2025
Nam Đông (TP Huế)	710,1	2007	968,1	27/10/2025
Phan Thiết (Lâm Đồng)	107,5	2005	244	27/10/2025
La Gi (Hàm Tân) (Lâm Đồng)	150,9	2023	164,8	29/10/2025
Phan Rí (Lâm Đồng)	60,7	2017	97,9	30/10/2025
Cát Tiên (Lâm Đồng)	199,4	2012	210	12/10/2025
Thủ Dầu Một (TP Hồ Chí Minh)	103,8	2024	136,2	23/10/2025
Phú Quốc (An Giang)	181,2	2004	200,7	30/10/2025

Bảng 6. Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 10/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa tháng 10/2025 vượt GTLS
Sông Mã (Sơn La)	135,1	1981	150,1
Hà Giang (Tuyên Quang)	410,0	1965	434,3
Đồng Văn (Tuyên Quang)	119,8	2017	227,7
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	301,5	2000	361,1
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	215,4	1978	290,2
Thái Nguyên	363,4	1964	573,6
Bắc Sơn (Lạng Sơn)	249,7	1983	300,2
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	244,0	1987	299,7
Đình Lập (Lạng Sơn)	261,3	2011	441,5
Tiên Yên (Quảng Ninh)	469,5	2001	577,9
Bắc Giang (Bắc Ninh)	292,4	1981	566,9
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	1085,7	2020	1150,2

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa tháng 10/2025 vượt GTLS
Phan Thiết (Lâm Đồng)	409,0	2010	413,4
La Gi (Hàm Tân) (Lâm Đồng)	495,9	1983	620,6

Bảng 7: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 11/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phan Thiết (Lâm Đồng)	78.0	2007	83.4	07/11/2025
Khe Sanh (Quảng Trị)	238.7	2016	307.6	17/11/2025
Phổ Ràng (Lào Cai)	22.3	2022	37.6	18/11/2025
Quy Nhơn (Gia Lai)	293.2	1981	380.6	19/11/2025
Son Hòa (Đắk Lắk)	463.2	2008	601.2	19/11/2025
EaHleo (Đắk Lắk)	128.3	2020	174.3	19/11/2025

Bảng 8: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS tháng 11/2025

STT	Trạm	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 11	Năm xuất hiện	Tổng lượng mưa tháng 11/2025 vượt GTLS
1	Lào Cai	67.3	2022	132.9
2	Phổ Ràng (Lào Cai)	54.5	2022	111.6
3	Khe Sanh (Quảng Trị)	571.9	1999	709.9
4	Son Hòa (Đắk Lắk)	987.7	2010	1312.4
5	Cam Ranh (Khánh Hòa)	751.2	2018	886.3
6	Phan Thiết (Lâm Đồng)	174.0	2007	205.8
7	Ayunpa(Cheo Reo) (Gia Lai)	366.7	2007	469.4
8	EaHleo (Đắk Lắk)	282.2	2017	379.5

Bảng 9: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong thời kỳ từ 01-15/12/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Đắk Mil (Lâm Đồng)	66.3	2000	71.8	03/12/2025
Đà Lạt (Lâm Đồng)	83.0	1964	111.0	04/12/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Cát Tiên (Lâm Đồng)	53.5	2016	84.9	04/12/2025
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	38.1	2012	46.1	13/12/2025

Bảng 10: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (là tỉnh Hòa Bình cũ).
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.